

Số: 92/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 03 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Lan P**, sinh năm 1975; nơi cư trú: A Chung cư Q, A L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: L682, Đường A, Khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà P ủy quyền cho: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ liên lạc: Số H, Khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 14/7/2025).

*. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số E, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Ông T1 ủy quyền cho: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1992; địa chỉ liên lạc: Số G, Khóm F, Khu đô thị M, phường T, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 14/5/2025).

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Trần Đình H**, sinh năm 1955; nơi cư trú: A Chung cư Q, A L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: L682, Đường A, Khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Ông H ủy quyền cho: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ liên lạc: Số H, Khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 14/7/2025).

2. Ông **Nguyễn Trí H1**, sinh năm 1988;

3. Bà **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1989;

Ông H1, bà N cùng địa chỉ: Số nhà B, khóm P, xã P, huyện L (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông **Trần Ngọc T2**, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số I, đường T, Tổ A, Khu phố C, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp; ĐKTT: Số A, tổ A, ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà **Quách Ngọc Thùy D**, sinh năm 1991; nơi thường trú: Số E, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Bà D ủy quyền cho: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1992; địa chỉ liên lạc: Số G, Khóm F, Khu đô thị M, phường T, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2026).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về nội dung:**

1. Bà Trần Thị Lan P, ông Trần Đình H cùng có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn T1 số tiền là 800.000.000đồng (T3 trăm triệu đồng).

2. Đối với thửa đất 20, 21, 22:

2.1. Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 2368; quyền số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2024, giữa bà Trần Thị Lan P và ông Trần Đình H với ông Nguyễn Văn T1 ký tại Văn phòng C.

2.2. Ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị Lan P, ông Trần Đình H 03 (Ba) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng tọa lạc tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp cùng ngày 11/9/2024 cấp cho bà Trần Thị Lan P, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 20, tờ bản đồ số 9, diện tích 102,3m², số phát hành DO 470414, vào sổ cấp GCN: CN02651, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9, diện tích 105,0m², số phát hành DO 470413, vào sổ cấp GCN: CN02650, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 22, tờ bản đồ số 9, diện tích 107,6m², số phát hành DO 470412, vào sổ cấp GCN: CN02649, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn.

3. Đối với thửa đất số 4:

3.1. Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 1951 quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/7/2024, giữa bà Trần Thị Lan P (do ông Trần Ngọc T2 đại diện) với ông Nguyễn Văn T1 ký tại Văn phòng C1.

3.2. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 2963, quyền số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2024 giữa bà Trần Thị Lan P (bà Trần Thị Lan P ủy quyền ông Trần Ngọc T2, ông Trần Ngọc T2 ủy quyền ông Nguyễn Văn T1) với bà Quách Ngọc Thùy D (vợ ông T1) ký tại Văn phòng C1.

3.3. Công nhận cho bà Trần Thị Lan P được quyền sử dụng đất, đối với thửa đất 4, tờ bản đồ số 9, diện tích: 2116,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã T, huyện L (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 210724, số vào sổ cấp GCN: CS19781 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 09/12/2024 cho bà Quách Ngọc Thùy D (mặt 3).

Bà Trần Thị Lan P có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất theo quy định pháp luật.

*** Về án phí:**

- Ông Trần Đình H được miễn án phí.

- Bà Trần Thị Lan P phải chịu án phí là 13.650.000đồng (Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0007876 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án khu vực 1-Vĩnh Long) và tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 22.700.000đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003782 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà P được nhận lại số tiền là 9.350.000đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng); nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp là 40.967.000đồng (Bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0008066 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án khu vực 1-Vĩnh Long). Ông T1 được nhận lại số tiền là 40.667.000đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đoàn Thị Kim Yến